

### DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

#### Chỉ số Đại diện

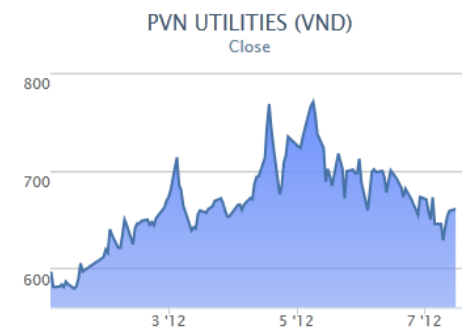
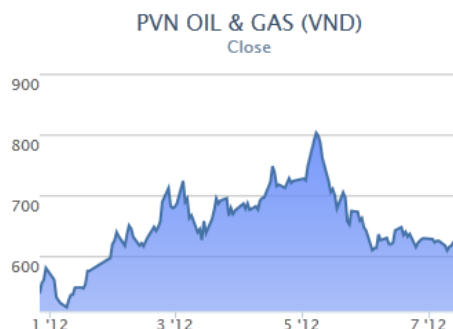


#### Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	791.41	↓-8.27	↓ -1.03
PVN ALL SHARE CONTINUOUS	670.18	↓-1.64	↓ -0.24
PVN ALLSHARE	652.91	↓-1.61	↓ -0.25
PVN ALLSHARE HNX	580.79	↓-6.12	↓ -1.04
PVN ALLSHARE HSX	698.31	↓-0.92	↓ -0.13
PVN Vật Liệu Cơ Bản	994.2	↓11.59	↓ -1.15
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	852.11	↓-7.04	↓ -0.82
PVN Tài Chính	591.07	↓14.83	↓ -2.45
PVN Công Nghiệp	498.65	↓15.51	↓ -3.02
PVN Dầu Khí	625	↑2.55	↑ 0.41
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	660.67	↑1.86	↑ 0.28

#### Chỉ số Ngành



## Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

**Chỉ số Đại diện (4):** PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

**Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip):** được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyên nhượng được.

**Chỉ số Ngành (6):** Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản
- PVN Công Nghiệp
- PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng
- PVN Dầu Khí
- PVN Tài Chính
- PVN Dịch Vụ Tiện Ích

### Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)

Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

### Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

### Phương pháp luận

**Ngày gốc** của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

**Giá trị gốc** của tất cả chỉ số trong bộ chỉ số PVN-Index là 1000

### Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

**Cổ tức** được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

### Tỷ trọng vốn hoá thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

**Giới hạn tỷ trọng vốn hoá** 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

### HSX:

#### Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	414.00 ↓	-3.00	-0.72%
KLGD (triệu ck)	41.74 ↓	-13.31	-24.18%
GTGD (tỷ đồng)	560.62 ↓	-139.00	-19.87%
Tổng cung (triệu ck)	53.63 ↓	-76.49	-58.78%
Tổng cầu (triệu ck)	64.04 ↓	-109.80	-63.16%
<b>Giao dịch NN</b>			
KL mua (triệu ck)	3.58 ↑	1.19	50.01%
KL bán (triệu ck)	1.58 ↓	-1.25	-44.24%
Giá trị mua (tỷ đồng)	67.21 ↑	20.14	42.78%
Giá trị bán (tỷ đồng)	28.80 ↓	-27.19	-48.56%

### Nhận định thị trường:

Chứng khoán Trung Quốc giảm điểm mạnh, kéo chỉ số cơ bản xuống mức thấp nhất trong gần 3,5 năm do những lo ngại về suy giảm tăng trưởng, ảnh hưởng của khủng hoảng châu Âu, lợi nhuận quý 2 của các DNNY cũng như nguy cơ bong bóng BĐS...

Ông Lê Xuân Nghĩa, chuyên gia ngân hàng, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia dự báo năm nay lạm phát sẽ ở mức 7-8%, với cách tính thực tế thì lãi suất huy động từ nay đến cuối năm sẽ chỉ giảm thêm 1% ở mức 8%/năm.

#### Cập nhật tóm tắt kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm:

- Trong 6 tháng đầu năm Tập đoàn Sông Đà đạt doanh thu 26,585 tỷ đồng, đạt 50% kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế đạt 106.3 tỷ đồng, bằng 10% kế hoạch năm.
- Trong 6 tháng đầu năm 2012, Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (Vinacomin) ước đạt doanh thu 43,200 tỷ đồng, lợi nhuận 500 tỷ đồng.
- CTCP Cao su Tây Ninh (HOSE: TRC) trong 6 tháng đầu năm lợi nhuận lũy kế đạt khoảng 124 tỷ đồng, tương đương 41% kế hoạch năm, trong đó lợi nhuận khác chiếm tới 37,4%. Như vậy trong 4 doanh nghiệp ngành cao su mới công bố KQKD (PHR, DRC, TRC, DPR), chỉ duy nhất có DRC có LNTT tăng trưởng so với cùng kỳ năm ngoái.
- 6 tháng đầu năm 2012, CTCP DV Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - PTSC (HNX: PVS) đạt hơn 755 tỷ đồng lãi trước thuế, hoàn thành gấp đôi kế hoạch trong kỳ.
- BMC tiếp tục là DN khoáng sản có kết quả tích cực khi 6 tháng đầu năm lãi trước thuế 6 tháng 71 tỷ đồng, đạt 71% kế hoạch năm. HSG 9 tháng đầu niên độ cũng đã vượt 20% so với kế hoạch năm với 288 tỷ đồng LNTT.

*Phiên hôm nay, chỉ số hai sàn lại giảm trở lại khi áp lực bán tăng lên trong khi sức mua chủ yếu vẫn phân bổ ở mức giá thấp. Hiện tại, chỉ số hai sàn vẫn chưa thoát hoàn toàn khỏi xu thế giảm và chưa có đủ cơ sở để loại trừ khả năng thị trường dao động giảm điểm dần trong ngắn hạn. Tín hiệu tích cực để bứt phá khỏi xu thế giảm hiện hữu sẽ xuất hiện nếu VN-index vượt qua 420 điểm còn HNX-index cần phải break out khỏi 71 điểm kèm theo sự tích cực từ yếu tố dòng tiền.*

Công Ty CPCI Dầu khí  
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội  
ĐT: (84-4) 39343888  
Fax: 393439999

## HNX:

## Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	69.80	-0.80	-1.13%
KLGD (triệu ck)	34.50	-22.55	-39.53%
GTGD (tỷ đồng)	304.60	-188.51	-38.23%
Tổng cung (triệu ck)	59.24	-10.34	-14.87%
Tổng cầu (triệu ck)	48.31	-30.94	-39.04%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.42	-0.23	-35.45%
KL bán (triệu ck)	0.35	-1.52	-81.38%
Giá trị mua (tỷ đồng)	4.14	-3.01	-42.07%
Giá trị bán (tỷ đồng)	4.39	-14.10	-76.27%

## Nhận định thị trường:



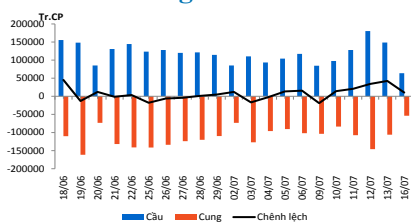
Đồ thị HNX-Index.

**Tổng quan kỹ thuật chỉ số HNX-index: Yếu tố dòng tiền tham gia HNX, thanh khoản khớp lệnh đều có chuyển biến tích cực, tuy nhiên HNX-Index chưa break out khỏi xu thế giảm.**

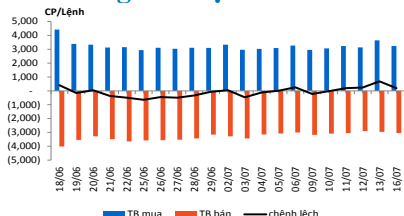
- Xu thế của HNX-Index vẫn đang là giảm.
- HNX-index giảm điêm, thanh khoản giảm theo tuy nhiên mức thanh khoản khớp lệnh duy trì được cao hơn bình quân thanh khoản 15 phiên. Chúng ta có thể thấy rằng một chút tín hiệu tích cực về xu thế xuất hiện khi trạng thái chỉ số tăng VOL tăng, chỉ số giảm VOL giảm bắt đầu thể hiện, nhưng yếu tố này cần phải tiếp tục và duy trì trong thời gian tới mới có thể tạo ra những chuyển biến tốt trên sàn HNX.
- Kháng cự HNX-index có thể chọn EMA (30) làm đường giới hạn, theo đó đang ở mức 71.5 điêm. HNX-Index cần tạo một break out khỏi mức này để kết thúc xu thế giảm.
- Trạng thái của HNX-Index trong ngắn hạn có thể sẽ tiếp tục dao động quanh vùng 65 – 71.5 điêm, xác suất giảm sẽ vẫn có thể xảy ra khi chỉ số còn nằm trong xu thế giảm, tuy nhiên mức độ sụt giảm có thể không còn mạnh.

**HSX:**

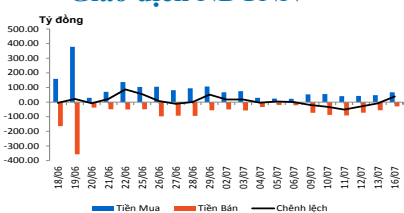
**Cung cầu**



**Trung bình lệnh mua/bán**



**Giao dịch NĐTNN**



**Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

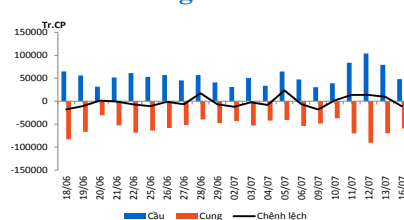
Khép lại đợt khớp lệnh thứ nhất, sắc xanh vẫn được duy trì ở hai chỉ số nhưng phần lớn các mã chứng khoán đều chưa khớp lệnh. VN-Index tăng nhẹ 0.56 điểm, tương ứng 0.13% đạt 417.54 điểm nhờ sự hỗ trợ của một vài bluechips tăng giá như CTG, MSN, VCB... trái lại BVH, GAS, VNM, HAG, VNM đều quay đầu giảm nhẹ. Tổng cộng thị trường có 68 mã tăng, 24 mã giảm và 51 mã giao dịch tham chiếu. Thanh khoản đạt trung bình với 1.85 triệu đơn vị, tương đương 21.66 tỷ đồng.

Cuối buổi sáng, với gần 120 mã giảm giá, chỉ còn 74 mã tăng nhẹ làm cho VN-Index giảm 1.7 điểm, tức 0.41% xuống 415.28 tỷ đồng. Toàn sàn chỉ có 27.65 triệu đơn vị, trị giá gần 387 tỷ đồng.

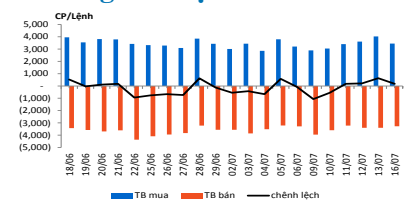
Kết phiên đầu tuần, HOSE có 41.73 triệu đơn vị, tương đương 560.62 tỷ đồng. Tổng cộng 162 mã giảm giá làm cho VN-Index mất 3 điểm, tương ứng 0.72% xuống 413.98 điểm.

**HNX:**

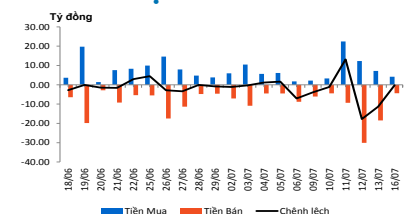
**Cung cầu**



**Trung bình lệnh mua/bán**



**Giao dịch NĐTNN**



**Diễn biến thị trường Hà Nội:**

Mở đầu phiên giao dịch HNX-Index tăng trên 0.2 điểm, tức hơn 0.3% đạt khoảng 70.8 điểm nhưng giao dịch yếu dần và đà tăng cũng có xu hướng thu hẹp. Toàn sàn chỉ có 58 mã tăng giá, 24 mã giảm và 316 mã đứng yên. Giao dịch tính đến 9h15 của sàn HNX đạt 2.49 triệu đơn vị, trị giá khoảng 17.8 tỷ đồng.

Kết thúc phiên sáng, HNX-Index giảm về sát 70 điểm khi mất 0.47 điểm, tương ứng 0.67% so với tham chiếu. Giao dịch chỉ đạt 22.43 triệu đơn vị, trị giá chưa đến 200 tỷ đồng. Trong khi đó, toàn sàn có 135 mã giảm, 56 mã tăng giá và 207 mã đứng yên.

Cuối phiên, HNX, chỉ số thu hẹp biên độ nhưng cũng giảm đến 1.12% so với tham chiếu còn 69.78 điểm. Thanh khoản đạt mức 34.4 triệu đơn vị, tương đương 305 tỷ đồng. Còn lại có tổng cộng 154 mã giảm giá, trong đó 37 mã giảm kịch sàn.

**Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN**

[www.psi.vn](http://www.psi.vn) | [research@psi.vn](mailto:research@psi.vn)

Báo cáo của PSI có thể tìm thấy trên website của chúng tôi

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có 4 cổ phiếu tăng giá và 3 cổ phiếu đứng giá và 21 cổ phiếu giảm giá. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PVR (tăng 3,5%). Cổ phiếu giảm giá nhiều nhất là PTL (giảm 4,3%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này giảm 1,84% và tổng khối lượng giao dịch đạt 6,34 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 16/07:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	6,100.0	-	→ 0.00	0.54	16.49	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cửu Long	3,300.0	11,200	→ 0.00	0.32	30.00	HNX
3	PFL	CTCP Dầu khí Đông Đô	4,700.0	79,400	↓ -2.08	0.27	0.46	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	20,700.0	230,400	↓ -3.27	1.70	1.38	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	9,400.0	42,500	↓ -4.08	0.87	5.95	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	4,900.0	-	→ 0.00	0.45	2.71	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	4,800.0	86,500	↓ -4.00	0.47	N/A	HNX
8	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	14,000.0	65,270	↓ -2.78	0.83	2.09	HNX
9	PVE	Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	10,600.0	16,400	↓ -3.64	1.86	4.84	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	10,700.0	249,000	↓ -2.73	0.69	7.70	HNX
11	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	16,200.0	22,500	↓ -0.61	0.69	8.18	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	5,800.0	100	↑ 3.57	0.56	2.72	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	15,500.0	595,100	↑ 1.31	1.31	4.14	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	9,200.0	2,046,250	↓ -3.16	0.41	3.46	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	38,300.0	75,920	↑ 0.52	3.09	12.28	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	34,300.0	174,810	↓ -1.15	2.05	5.54	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,000.0	20,040	↓ -1.14	1.19	3.16	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	7,200.0	15,650	↓ -1.37	0.62	5.26	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	12,100.0	207,590	↓ -0.82	0.69	2.98	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	32,800.0	35,220	↑ 0.31	1.60	4.63	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,500.0	455,240	↓ -4.26	0.44	3.49	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	34,600.0	90,650	↓ -0.57	1.17	6.80	HSX
23	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	11,800.0	702,580	↓ -3.28	1.04	14.94	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	5,100.0	872,320	↓ -1.92	0.52	46.36	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	5,700.0	78,560	↓ -5.00	0.55	3.80	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	5,600.0	28,200	↓ -3.45	0.51	2.92	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	10,500.0	138,900	↓ -4.55	0.79	3.15	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,600.0	310	↓ -3.45	0.51	3.68	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Sao Mai -Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

## HSX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
DRC	25,600	26,200	2.34	36,559,902
MBB	13,800	14,000	1.45	28,516,118
SSI	20,200	19,800	-1.98	21,504,768
OGC	12,700	12,400	-2.36	18,950,848
CSM	25,500	24,800	-2.75	18,083,295

## HNX

## 5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	10,300	10,000	-2.91	49,625
SCR	10,000	9,600	-4.00	24,325
SVN	39,600	39,600	0.00	23,519
PVX	9,500	9,200	-3.16	19,144
KLS	9,600	9,300	-3.12	14,787

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VES	1,700	1,800	100	5.88
CNT	8,000	8,400	400	5.00
VTB	8,000	8,400	400	5.00
CIG	4,000	4,200	200	5.00
OPC	35,000	36,700	1,700	4.86

## 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
AGC	800	900	100	12.50
DHT	29,000	31,000	2,000	6.90
TAG	21,900	23,400	1,500	6.85
CKV	7,300	7,800	500	6.85
DHL	8,800	9,400	600	6.82

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
TCO	10,000	9,500	-500	-5.00
LM8	10,000	9,500	-500	-5.00
AGF	30,000	28,500	-1,500	-5.00
CMV	18,000	17,100	-900	-5.00
PXI	6,000	5,700	-300	-5.00

## 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
CTV	4,300	4,000	-300	-6.98
DL1	13,100	12,200	-900	-6.87
DST	4,400	4,100	-300	-6.82
KHL	4,400	4,100	-300	-6.82
VCM	14,700	13,700	-1,000	-6.80

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
MBB	22,691	EIB	9,784
EIB	12,090	HPG	3,699
HSG	2,759	MBB	2,800
SBT	2,712	VIC	2,277
PVD	2,579	HAG	1,887

## 5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
VND	2,246	AAA	1,028
PVX	368	VNR	871
KLS	280	SDT	615
PVG	216	VC1	296
PVS	152	BVS	235

# KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Ban Phân tích

E -mail: [research@psi.vn](mailto:research@psi.vn)

Tel: (84-4) 3934 3888

## CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



**PSI**

*Trụ sở chính:*

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

*Chi nhánh Hải Phòng*

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

*Chi nhánh TP.HCM:*

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

*Chi nhánh Vũng Tàu:*

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu – ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

*Chi nhánh Đà Nẵng:*

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339